

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú	Chủ đầu tư					
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:	
																			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28								
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>11.096.932</b>	<b>7.814.517</b>	<b>1.273.612</b>	<b>1.112.280</b>	<b>369.741</b>	<b>339.888</b>	<b>882.723</b>	<b>824.391</b>	<b>3.156.273</b>	<b>2.740.739</b>	<b>8.877.050</b>	<b>6.089.473</b>	<b>82.373</b>	<b>0</b>	<b>1.352.000</b>	<b>740.000</b>						
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>					<b>991.813</b>	<b>746.549</b>	<b>188.866</b>	<b>157.866</b>	<b>126.214</b>	<b>109.866</b>	<b>165.649</b>	<b>134.649</b>	<b>811.984</b>	<b>549.964</b>	<b>209.866</b>	<b>157.866</b>	<b>82.373</b>									
<b>I</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>991.813</b>	<b>746.549</b>	<b>188.866</b>	<b>157.866</b>	<b>126.214</b>	<b>109.866</b>	<b>165.649</b>	<b>134.649</b>	<b>811.984</b>	<b>549.964</b>	<b>209.866</b>	<b>157.866</b>	<b>82.373</b>									
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>					<b>991.813</b>	<b>746.549</b>	<b>188.866</b>	<b>157.866</b>	<b>126.214</b>	<b>109.866</b>	<b>165.649</b>	<b>134.649</b>	<b>811.984</b>	<b>549.964</b>	<b>209.866</b>	<b>157.866</b>	<b>82.373</b>									
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>668.905</b>	<b>444.368</b>	<b>93.378</b>	<b>62.378</b>	<b>38.835</b>	<b>22.487</b>	<b>70.161</b>	<b>39.161</b>	<b>573.615</b>	<b>364.145</b>	<b>114.378</b>	<b>62.378</b>	<b>885</b>									
1	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Đầm Dơi	2.773 m	2016-2020	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1268/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 30/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	220.000	159.400	27.517	27.517	186	186	4.300	4.300	218.400	159.400	27.517	27.517							Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT			
2	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Năm Căn	826,6 m	2014-2023	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	89.741	35.000	25.000	25.000	12.500	12.500	25.000	25.000	35.000	35.000	25.000	25.000							Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT			
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	U Minh	700 chiếc/150 CV	2016-2021	1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; 1064/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; 1603/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	140.871	93.864	28.976	7.976	19.934	7.976	28.976	7.976	134.094	93.864	28.976	7.976							Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	UM, TVT	Các hạng mục	2016-2021	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1585/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	73.733	26.000	11.000	1.000	5.338	948	11.000	1.000	52.600	26.000	32.000	1.000							Chi cục Kiểm lâm			
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2008 - 2010)	U Minh	8.527 ha	2010-2015	936/QĐ-UBND 12/6/2008	144.560	130.104	885	885	877	877	885	885	133.521	49.881	885	885	885						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm C</b>					<b>322.908</b>	<b>302.181</b>	<b>95.488</b>	<b>95.488</b>	<b>87.379</b>	<b>87.379</b>	<b>95.488</b>	<b>95.488</b>	<b>238.369</b>	<b>185.819</b>	<b>95.488</b>	<b>95.488</b>	<b>81.488</b>									
1	Dự án đầu tư khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	Năm Căn	Các hạng mục	2007-2010	469/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	46.985	46.985	3.528	3.528	3.528	3.528	3.528	3.528	39.637	11.197	3.528	3.528	3.528						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			
2	Dự án khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân (Điểm vàm kênh Cái Cấm)	Phú Tân	Các hạng mục	2010-2017	1341/QĐ-UBND 06/8/2009	69.701	67.111	98	98	98	98	98	98	56.944	32.834	98	98	98						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			
3	Nạo vét các kênh mương các huyện Trần Văn Thời; U Minh và Thới Bình và nạo vét Kênh 29 (Khai Hoàng - Đê biển Tây) thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau giai đoạn II (2013 - 2016)	H.TVT, UM, TB	15ha	2016	Nhiều dự án	14.000	14.000	13.442	13.442	13.440	13.440	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			
4	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng 05 mạng nước tập trung nông thôn	Các huyện: TVT, UM, NC	138m3/h	2016	255/QĐ-SXD ngày 14/9/2016; 256/QĐ-SXD ngày 14/9/2016; 261/QĐ-SXD ngày 23/9/2016; 264/QĐ-SXD ngày 28/9/2016; 265/QĐ-SXD ngày 28/9/2016	21.940	18.965	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							Trong đó:		Tổng số				Trong đó:		
																				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
5	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt trên đảo Hòn Khoai, tỉnh Cà Mau	Huyện Ngọc Hiển	Ngăn mặn	2016	1370/QĐ-UBND ngày 19/9/2013	33.441	33.441	12.000	12.000	11.999	11.999	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
6	Công trình cấp nước tập trung nông thôn chợ Vàm Cái Tàu, xã Khánh An; Công trình cấp nước tập trung nông thôn Kênh T29 - T93, Nguyễn Phích, huyện U Minh	Huyện U Minh	30m3/h	2016	378/QĐ-SXD ngày 15/12/2016; 390/QĐ-SXD ngày 26/12/2016	8.378	7.541	7.541	7.541	7.540	7.540	7.541	7.541	7.541	7.541	7.541	7.541	7.541							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
7	Công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Nguyễn Việt Khái, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân	30m3/h	2016	401/QĐ-SXD ngày 29/12/2016; 397/QĐ-SXD ngày 27/12/2016	18.028	13.000	13.000	13.000	12.999	12.999	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
8	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp 10A, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời; Trại Lưới B, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	H.TVT, NC	Các hạng mục	2016	379/QĐ-SXD ngày 15/12/2016; 410/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	12.557	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
9	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp Hưng Hiệp, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân	30m3/h	2016	409/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	5.968	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
10	Công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	25m3/h	2016	399/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	6.171	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
11	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	TP Cà Mau	203/h	2016	377/QĐ-SXD ngày 15/12/2016	6.095	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
12	Cống Kênh Xáng Mới thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh	Ngăn mặn	2016	446/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	14.723	14.723	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000							Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
13	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở tại cửa biển Hương Mai (đoạn từ cống Hương Mai đến đê biển Tây), xã Khánh Tiến, huyện U Minh	U Minh	1.143m	2019-2021	1226/QĐ-UBND ngày 25/7/2019; 1061/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	64.921	64.921	14.000	14.000	5.896	5.896	14.000	14.000	63.926	63.926	14.000	14.000								Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT			
<b>B BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>						<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>127.266</b>	<b>23.766</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>162.534</b>	<b>37.302</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
<b>I Thực hiện dự án</b>						<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>127.266</b>	<b>23.766</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>162.534</b>	<b>37.302</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
<b>(1) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>						<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>127.266</b>	<b>23.766</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>162.534</b>	<b>37.302</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
<b>a Dự án nhóm B</b>						<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>127.266</b>	<b>23.766</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>162.534</b>	<b>37.302</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	Thành phố Cà Mau	8.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Đến tháng 9/2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	92.758	127.266	23.766	992	492	992	492	162.534	37.302	532.705	79.222			202.000	40.000				Đã kiến nghị điều chỉnh KHV năm 2021 là 126.274 triệu đồng (trong đó, ODA là 103.000 triệu đồng, vốn đối ứng NSTW là 23.274 triệu đồng)	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
<b>C LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ</b>						<b>217.078</b>	<b>204.490</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>	<b>56.272</b>	<b>43.772</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>	<b>216.990</b>	<b>204.490</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>											
<b>(1) Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>						<b>217.078</b>	<b>204.490</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>	<b>56.272</b>	<b>43.772</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>	<b>216.990</b>	<b>204.490</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>											
<b>a Dự án nhóm B</b>						<b>217.078</b>	<b>204.490</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>	<b>56.272</b>	<b>43.772</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>	<b>216.990</b>	<b>204.490</b>	<b>86.750</b>	<b>74.250</b>											
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư Khu kinh tế Năm Căn	Năm Căn	25 ha	2018-2021	1763/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1269/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1054/QĐ-UBND ngày 12/6/2020; 2547/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1081/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	217.078	204.490	86.750	74.250	56.272	43.772	86.750	74.250	216.990	204.490	86.750	74.250									Ban Quản lý Khu kinh tế		
<b>D LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG</b>						<b>416.700</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>	<b>34.093</b>	<b>34.093</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>	<b>346.585</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>											
<b>(1) Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>						<b>416.700</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>	<b>34.093</b>	<b>34.093</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>	<b>346.585</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>											
<b>a Dự án nhóm B</b>						<b>416.700</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>	<b>34.093</b>	<b>34.093</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>	<b>346.585</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>											
1	Dự án xây dựng bến cập tàu Bãi Nhỏ và đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai	Đảo Hòn Khoai, Huyện Ngọc Hiển	Bến cập tàu 400CV; Đường tuần tra cấp VI miền núi: 10,4km	2016-2021	19/QĐ-UBND ngày 03/02/2016; 296/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 244/QĐ-UBND ngày 21/6/2021; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	416.700	346.585	94.000	94.000	34.093	34.093	71.000	71.000	346.585	346.585	94.000	94.000								Đã kiến nghị điều chỉnh giảm KHV NSTW năm 2021 là 23.000 triệu đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)													Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
<b>E</b>	<b>GIAO THÔNG</b>					<b>5.580.793</b>	<b>4.076.822</b>	<b>762.398</b>	<b>762.398</b>	<b>151.665</b>	<b>151.665</b>	<b>544.000</b>	<b>544.000</b>	<b>1.603.848</b>	<b>1.602.398</b>	<b>4.631.154</b>	<b>3.336.822</b>			<b>920.000</b>	<b>480.000</b>							
<b>I</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>5.580.793</b>	<b>4.076.822</b>	<b>762.398</b>	<b>762.398</b>	<b>151.665</b>	<b>151.665</b>	<b>544.000</b>	<b>544.000</b>	<b>1.603.848</b>	<b>1.602.398</b>	<b>4.631.154</b>	<b>3.336.822</b>			<b>920.000</b>	<b>480.000</b>							
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>					<b>1.159.718</b>	<b>1.040.000</b>	<b>200.000</b>	<b>200.000</b>	<b>151.665</b>	<b>151.665</b>	<b>200.000</b>	<b>200.000</b>	<b>1.041.450</b>	<b>1.040.000</b>	<b>200.000</b>	<b>200.000</b>											
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>1.159.718</b>	<b>1.040.000</b>	<b>200.000</b>	<b>200.000</b>	<b>151.665</b>	<b>151.665</b>	<b>200.000</b>	<b>200.000</b>	<b>1.041.450</b>	<b>1.040.000</b>	<b>200.000</b>	<b>200.000</b>											
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	Các huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn	CTGT đường cấp II; cầu cấp III, IV.	2017-2022	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	1.159.718	1.040.000	200.000	200.000	151.665	151.665	200.000	200.000	1.041.450	1.040.000	200.000	200.000							Đã kiến nghị điều chỉnh tăng KHV NSTW năm 2021 là 23.000 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
<b>(2)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>					<b>2.924.247</b>	<b>1.833.468</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>			<b>344.000</b>	<b>344.000</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>	<b>2.934.326</b>	<b>1.933.468</b>			<b>510.000</b>	<b>300.000</b>							
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>2.924.247</b>	<b>1.833.468</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>			<b>344.000</b>	<b>344.000</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>	<b>2.934.326</b>	<b>1.933.468</b>			<b>510.000</b>	<b>300.000</b>							
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu sông Gành Hào	ĐD, CN, TVT	18 km, 02 cầu lớn	2021 - 2024	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	1.300.000	562.398	562.398			344.000	344.000	562.398	562.398	2.159.555	1.300.000			250.000	150.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)	TP.CM, Đầm Dơi	19,2 km	2021 - 2024	2057/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	774.771	533.468									774.771	633.468			260.000	150.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
<b>(3)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>					<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>									<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>			<b>410.000</b>	<b>180.000</b>							
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>									<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>			<b>410.000</b>	<b>180.000</b>							
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đính - Cái Đồi Vàm	Cái Nước, Phú Tân	25,3km, 01 cầu	2022 - 2025	1288/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	736.437	623.007									736.437	623.007			180.000	100.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
2	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	U Minh	18,3km, 03 cầu	2022 - 2025	1289/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	760.391	580.347									760.391	580.347			230.000	80.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
<b>F</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>14.332</b>		<b>505</b>		<b>14.332</b>		<b>14.332</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>							
<b>I</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>14.332</b>		<b>505</b>		<b>14.332</b>		<b>14.332</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>							
<b>(1)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>14.332</b>		<b>505</b>		<b>14.332</b>		<b>14.332</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>							
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>14.332</b>		<b>505</b>		<b>14.332</b>		<b>14.332</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>							
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	TP. Cà Mau	1.200 giường	2020 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	3.322.575	2.347.313	14.332		505		14.332		14.332		3.322.575	2.347.313			230.000	220.000				Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			